TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 919/2019/DS-PT Ngày: 18-10-2019 V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán: Ông Lưu Trường Sanh
Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 376/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 374/2019/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3901/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- *Nguyên đơn:*

Bà **Đoàn Thúy L**, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Bà **Trương Thị Thu H**, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Đường P, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 007021 ngày 18/4/2019, lập tại Văn phòng công chứng Sài Gòn).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn:

Luật sư **Nguyễn Kim L1**, Văn phòng luật sư Nguyễn Kim L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường H, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Đoàn Văn H1**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trần Thị Minh V**, sinh năm 1990.
2. Ông **Lê Ngọc A**, sinh năm 1965.
3. Ông **Lê Văn L2**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1964.
5. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Chung cư S, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn – ông Đoàn Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2018 của nguyên đơn bà Đoàn Thúy L và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn là cụ Đoàn Văn L3 (chết ngày 07/6/2013) và cụ Trịnh Thị Tuyết L4 (chết ngày 29/01/2013) có 02 người con chung là bà Đoàn Thúy L và ông Đoàn Văn H1, không có con nuôi và con riêng. Khi còn sống hai cụ cùng tạo lập nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt Căn nhà A) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02358 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2010 (gọi tắt GCN số CH02358 ngày 01/10/2010). Các cụ chết không để lại di chúc, tài sản trên hiện do nguyên đơn và bị đơn cùng trực tiếp quản lý. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với Căn nhà A, nguyên đơn yêu cầu được nhận nhà và thanh toán lại 1/2 (một phần hai) giá trị nhà trên cho bị đơn.

Cha mẹ cụ Đoàn Văn L3 là cố Đoàn Văn L5 và cố Phạm Thị H2 đều đã chết, được chôn cất ở quê nhà tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, không có giấy khai sinh và giấy chứng tử. Cha mẹ của cụ Trịnh Thị Tuyết L4 là cố

Trịnh Văn N1 và cố Nguyễn Thị H3 đều đã chết không có giấy khai sinh và giấy chứng tử.

Từ tháng 3/2017 đến tháng 4/2019 nguyên đơn cho ông Lê Văn L2 thuê một phần Căn nhà A với giá 25,000,000 đồng/tháng, tổng cộng là 650,000,000 đồng. Nguyên đơn đồng ý chia đôi tiền thuê trên và phần của bị đơn là 325,000,000 đồng. Do bị đơn đã nhận trước 80,000,000 đồng nên nguyên đơn còn phải thanh toán lại cho bị đơn là 245,000,000 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, về chi phí định giá yêu cầu chia theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu công sức tôn tạo, quản lý và bảo quản di sản trên.

Bị đơn ông Đoàn Văn H1 trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời khai của nguyên đơn và người đại diện của bà L về quan hệ huyết thống, ngày chết của cha mẹ, họ tên của ông bà nội, ông bà ngoại và xác nhận các cụ đều đã chết.

Về di sản thừa kế của hai cụ Đoàn Văn L3 và Trịnh Thị Tuyết L4 ngoài Căn nhà A còn có một Căn nhà tại xóm Chùa Mục Đồng, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Căn nhà này do cụ Đoàn Văn L3 đứng tên trên giấy chứng nhận, bị đơn không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản này, trường hợp nếu có tranh chấp ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện khác. Đối với Căn nhà A bị đơn không đồng ý chia thừa kế mà giữ nhà làm nơi thờ cúng cha mẹ. Ông Đoàn Văn H1 hiện đang giữ bản chính GCN số CH02358 ngày 01/10/2010.

Tiền thuê Căn nhà A đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn thừa nhận đã nhận 45,000,000 đồng từ bà L và 35,000,000 đồng từ bà Nguyễn Thị B chuyển vào tài khoản của bị đơn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tổng cộng bị đơn đã nhận 80,000,000 đồng tiền thuê nhà, do đó nguyên đơn còn phải đưa thêm 245,000,000 đồng.

Trong quá trình quản lý, sử dụng Căn nhà A ông Đoàn Văn H1 không sửa chữa, xây dựng nên không yêu cầu tính công sức tôn tạo, quản lý và bảo quản di sản trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Minh V trình bày: Bà là con ruột của nguyên đơn, hiện cư trú tại Căn nhà A, bà không sửa chữa, xây dựng nên không yêu cầu công sức tôn tạo, quản lý và bảo quản di sản trên. Yêu cầu vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn L2, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Ngọc A trình bày cùng nội dung sau:

Ông Lê Văn L2 ký hợp đồng thuê một phần phía trước Căn nhà A, thời hạn thuê từ ngày 01/3/2017 đến ngày 01/3/2019, giá thuê 25,000,000 đồng/tháng. Bà Nguyễn Thị N (mẹ vợ ông L2) là chủ cơ sở kinh doanh cửa hàng quần áo tên S, Số đăng ký kinh doanh 41P8020144 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2018. Ông Lê Ngọc A (bố của ông Lê Văn L2) là người phụ bán tại cửa hàng

Hàng tháng bà Nguyễn Thị B (vợ ông L2) chuyển tiền thuê nhà 25,000,000 đồng vào tài khoản của bà Trần Thị Minh V và bị đơn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Cụ thể từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2019 chuyển cho bà V 20,000,000 đồng, còn 5,000,000 đồng chuyển vào số tài khoản của bị đơn.

Trong quá trình thuê nhà bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn L2, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Ngọc A xác nhận đều không xây dựng, sửa chữa nên không yêu cầu công sức tôn tạo, quản lý và bảo quản phần nhà thuê trên. Các ông, bà yêu cầu vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Sau khi có phán quyết của Tòa án các ông, bà sẽ trả lại mặt bằng và cam kết không khiếu nại hay tranh chấp về việc thuê nhà trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 374/2019/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, khoản 1 Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 631, 632, 633, 634, 635, 636, 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Hàng thừa kế thứ nhất hai cụ Đoàn Văn L3 và Trịnh Thị Tuyết L4 (cùng chết năm 2013) gồm bà Đoàn Thúy L, sinh năm 1959 và ông Đoàn Văn H1, sinh năm 1966.

2/ Di sản của hai cụ Đoàn Văn L3 và Trịnh Thị Tuyết L4 là nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giá trị định giá là 13,520,562,615 đồng) được chia đều cho 02 người thừa kế là bà Đoàn Thúy L và ông Đoàn Văn H1, kỷ phần mỗi người được hưởng ½ (một phần hai) giá trị nhà và đất trên.

3/ Bà Đoàn Thúy L nhận hiện vật là nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Đoàn Thúy L có trách nhiệm thanh toán cho ông Đoàn Văn H1 ½ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án.

Bà Đoàn Thúy L liên hệ với với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đoàn Thúy L đứng tên đối với nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 523085, số vào sổ cấp GCN: CH02358 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2010 cho hai cụ Đoàn Văn L3 và cụ Trịnh Thị Tuyết L4 sau khi giao đủ tiền cho ông Đoàn Văn H1. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục nêu trên bà Đoàn Thúy L tự nguyện chịu.

Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Đoàn Thúy L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho ông Đoàn Văn H1 thì nhà và đất trên được bán đấu giá. Bà Đoàn Thúy L và ông Đoàn Văn H1 mỗi người được hưởng một kỷ phần tương đương ½ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đoàn Văn H1 và những người hiện đang cư trú tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giao căn nhà trên cho bà Đoàn Thúy L.

5/ Bà Đoàn Thúy L có trách nhiệm thanh toán 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng tiền thuê nhà tại đường L, Phường M, quận P, thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đoàn Văn H1 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6/ Chi phí định giá tài sản: 6,000,000 đồng (sáu triệu đồng) bà Đoàn Thúy L và ông Đoàn Văn H1 mỗi người phải chịu là 3,000,000 đồng (ba triệu đồng). Bà Đoàn Thúy L đã tạm ứng 6,000,000 đồng (sáu triệu đồng), ông Đoàn Văn H1 phải thanh toán lại 3,000,000 đồng (ba triệu đồng) chi phí định giá cho bà Đoàn Thúy L. Ghi nhận việc bà Đoàn Thúy L tự nguyện chịu chi phí đo vẽ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 17/6/2019, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn của bị đơn, kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn nêu Căn nhà A là kỷ niệm của gia đình không đồng ý chia thừa kế. Bị đơn nêu khi cụ Đoàn Văn L3 mua hóa giá căn nhà là có phần đóng góp của bị đơn nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Ngoài ra bị đơn không đồng ý chia nhà để làm nơi thờ cúng cha mẹ và để chị em thuận thảo cùng chung sống.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn với lý do chị em thuận thảo sống chung, vì hiện nay bị đơn không cho nguyên đơn ở tại căn nhà nêu trên.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015, đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn không đồng ý chia thừa kế với lý do bị đơn muốn giữ lại nhà để làm nơi thờ cúng cha mẹ, nguyện vọng giữ lại nhà để chị em thuận thảo cùng chung sống. Do đó, vấn đề Hội đồng xét xử phúc thẩm cần đặt ra là căn cứ chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn có đúng quy định pháp luật, làm căn cứ giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất hai cụ Đoàn Văn L3 và cụ Trịnh Thị Tuyết L4 chỉ có duy nhất hai người con chung là nguyên đơn và bị đơn, ông bà không có con riêng, không có con nuôi.

[4] Về di sản thừa kế: Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-UB ngày 04/9/1998 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Căn nhà A do Nhà nước quản lý. Ngày 08/10/1998 tại Quyết định số 723/QĐ-UB –QLĐT của UNND Thành phố Hồ Chí Minh đã bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và chuyển quyền sử dụng đất ở đối với Căn nhà A cho cụ Đoàn Văn L3 và cụ Trịnh Thị Tuyết L4. Căn cứ Hợp đồng mua bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và chuyển quyền sử dụng đất ở số 014/HĐMBN, ngày 28/9/2005, Công ty xây dựng Miền Đông – Quân khu 7, ký bán Căn nhà A cho cụ Đoàn Văn L3 và cụ Trịnh Thị Tuyết L4.

[5] Ngày 04/8/2010 Công ty XNK Tây Nam – Quân khu 7 lập Phiếu chuyển số 1163/CV-TN đề nghị UBND quận Phú Nhuận cấp Giấy chứng nhận cho hai cụ Đoàn Văn L3 và cụ Trịnh Thị Tuyết L4.

[6] Ngày 01/10/2010, UBND quận Phú Nhuận đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02358 cho hai cụ.

[7] Từ những căn cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xác định Căn nhà A là di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn L3 và cụ Trịnh Thị Tuyết L4. Người thừa kế của hai cụ là nguyên đơn và bị đơn. Đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế cho mỗi người thừa kế được hưởng ½ (một nữa) giá trị di sản là có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không đồng ý chia di sản thừa kế với lý để dùng căn nhà làm nơi thờ cúng cha mẹ và chị em thuận thảo cùng chung sống, nhưng không được người đại diện của nguyên đơn đồng ý. Ngoài ra bị đơn không kháng cáo giá trị tài sản, việc phân chia được nhận tiền và số tiền thuê nhà được nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm

không xem xét, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[8] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, khoản 1 Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 631, 632, 633, 634, 635, 636, 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Hàng thừa kế thứ nhất hai cụ Đoàn Văn L3 và cụ Trịnh Thị Tuyết L4 (cùng chết năm 2013) gồm bà Đoàn Thúy L, sinh năm 1959 và ông Đoàn Văn H1 1966.

2/ Di sản của hai cụ Đoàn Văn L3 và Trịnh Thị Tuyết L4 là nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giá trị định giá là 13,520,562,615 đồng) được chia đều cho 02 người thừa kế là bà Đoàn Thúy L và ông Đoàn Văn H1, kỷ phần mỗi người được hưởng ½ (một phần hai) giá trị nhà và đất trên.

3/ Bà Đoàn Thúy L nhận hiện vật là nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Đoàn Thúy L có trách nhiệm thanh toán cho ông Đoàn Văn H1 ½ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thi hành án.

Bà Đoàn Thúy L liên hệ với với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đoàn Thúy L đứng tên đối với nhà và đất tại đường L, Phường M,

quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 523085, số vào sổ cấp GCN: CH02358 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2010 cho hai cụ Đoàn Văn L3 và cụ Trịnh Thị Tuyết L4 sau khi giao đủ tiền cho ông Đoàn Văn H1. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục nêu trên bà Đoàn Thúy L tự nguyện chịu.

Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Đoàn Thúy L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho ông Đoàn Văn H1 thì nhà và đất trên được bán đấu giá. Bà Đoàn Thúy L và ông Đoàn Văn H1 mỗi người được hưởng một kỷ phần tương đương ½ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đoàn Văn H1 và những người hiện đang cư trú tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giao căn nhà trên cho bà Đoàn Thúy L.

5/ Bà Đoàn Thúy L có trách nhiệm thanh toán 230,000,000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng tiền thuê nhà tại đường L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đoàn Văn H1 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6/ Chi phí định giá tài sản: 6,000,000 đồng (sáu triệu đồng) bà Đoàn Thúy L và ông Đoàn Văn H1 mỗi người phải chịu là 3,000,000 đồng (ba triệu đồng). Bà Đoàn Thúy L đã tạm ứng 6,000,000 đồng (sáu triệu đồng), ông Đoàn Văn H1 phải thanh toán lại 3,000,000 đồng (ba triệu đồng) chi phí định giá cho bà Đoàn Thúy L. Ghi nhận việc bà Đoàn Thúy L tự nguyện chịu chi phí đo vẽ.

7/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thúy L và ông Đoàn Văn H1 mỗi người phải chịu là 115,085,281 đồng (một trăm mười lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng). Bà Đoàn Thúy L được cấn trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 14,000,000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo Biên lai thu số AC/2012/09567 ngày 15/3/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, bà Đoàn Thúy L còn phải nộp thêm số tiền 101,085,281 đồng (một trăm lẻ một triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng). Nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận hoặc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu, được cấn trừ vào sộ tiền 300,000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số AA/20170041934 ngày 17/6/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận. Ghi nhận bị đơn đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, háng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu.

1 000091 468214

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Kim Anh